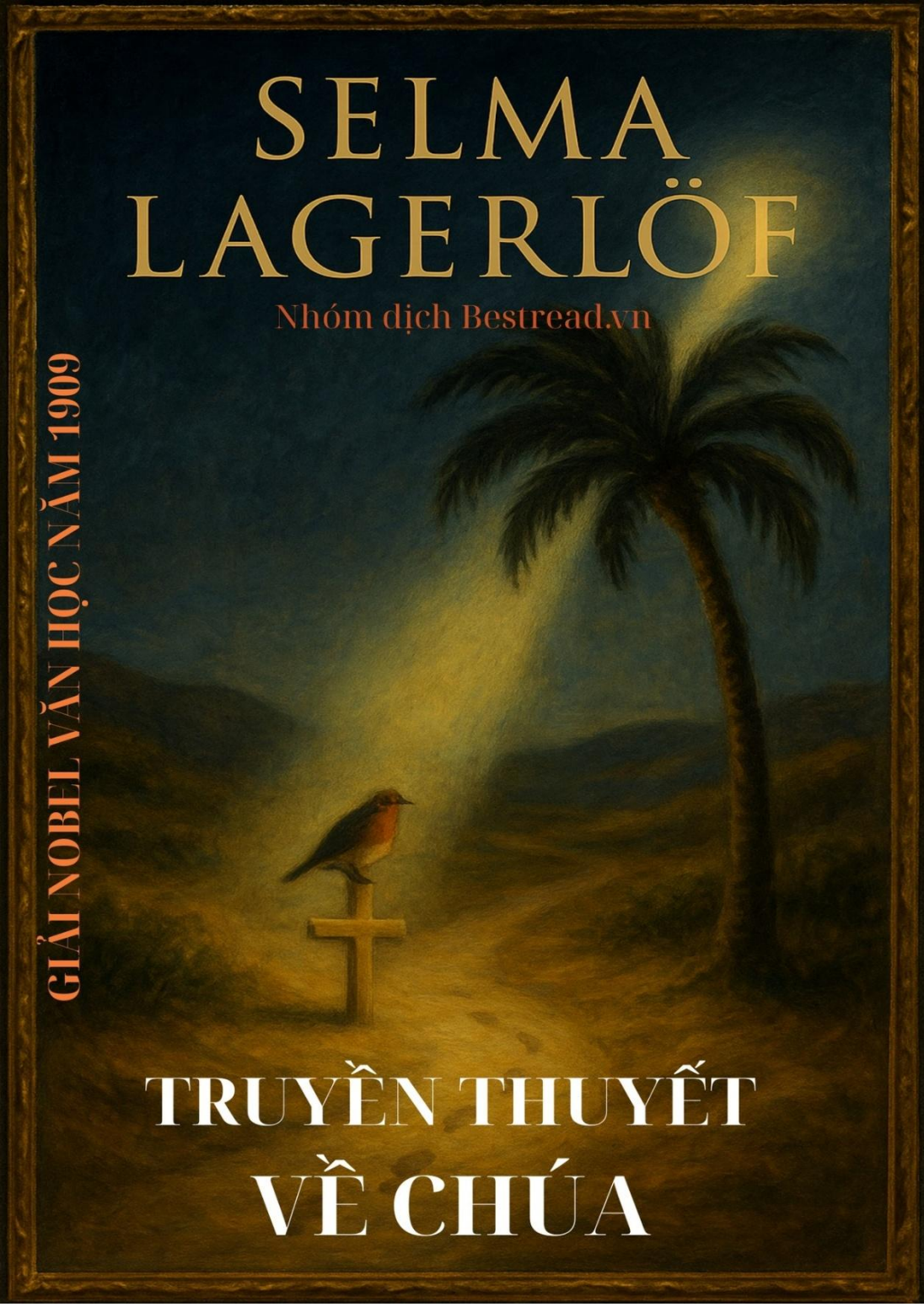


SELMA LAGERLÖF

Nhóm dịch Bestread.vn

GIẢI NOBEL VĂN HỌC NĂM 1909

A painting of a bird perched on a wooden cross in a desert landscape. A palm tree stands to the right, and a beam of light shines down on the cross. The background shows rolling hills under a dark sky.

TRUYỀN THUYẾT
VỀ CHÚA

LỜI GIỚI THIỆU

Truyền thuyết về Chúa là tuyển tập truyện ngắn đặc sắc của Selma Lagerlöf – nữ văn sĩ Thụy Điển đầu tiên đoạt Giải Nobel Văn học (1909). Tác phẩm được bà sáng tác năm 1904, gồm nhiều câu chuyện nhỏ xoay quanh cuộc đời Đức Chúa Giêsu, Đức Mẹ Maria, Thánh Phêrô và những nhân vật bình dị nhưng toát lên ánh sáng đức tin.

Với giọng văn huyền ảo, trong sáng và chan chứa lòng nhân ái, Selma Lagerlöf kết hợp nhuần nhuyễn giữa truyền thống Kinh Thánh và chất thơ dân gian Bắc Âu, tạo nên những truyền thuyết thấm đẫm tinh thần tôn giáo, lòng trắc ẩn và niềm tin vào sự cứu rỗi. Mỗi sinh linh – dù là người chăn cừu, người lính La Mã hay cây chà là giữa sa mạc – đều được soi rọi bởi tình thương của Thiên Chúa.

Những câu chuyện như *Đêm Thánh*, *Giấc mộng của Hoàng đế*, *Đứa trẻ Bethlehem*, *Cuộc trốn chạy tới Ai Cập* vừa giản dị, cảm động, vừa gợi mở suy tư sâu sắc về lòng nhân, sự khiêm nhường và ơn cứu chuộc.

Tác phẩm không chỉ là một tác phẩm tôn giáo mà còn là một kiệt tác văn chương nhân bản, đưa người đọc trở về

với thế giới của đức tin, ánh sáng và lòng nhân từ – nơi “ánh sáng của Thiên Chúa vẫn rực rỡ cho những ai có đôi mắt trong sạch để nhìn thấy Ngài.”

ĐÊM THÁNH

Khi ta lên năm tuổi, ta đã trải qua một nỗi buồn lớn. Từ đó đến nay, ta khó mà nhớ được nỗi buồn nào sâu hơn. Ấy là khi bà nội ta qua đời.

Trước đó, ngày ngày bà vẫn ngồi trên chiếc trường kỷ nơi góc phòng, kể chuyện từ sáng tới tối, còn chúng ta – lũ trẻ – thì ngồi lặng im bên bà mà nghe. Ấy là một cuộc sống đầm phúc, hiếm có đứa trẻ nào được hưởng như chúng tôi.

Ta nhớ mái tóc bà trắng như tuyết, lưng bà đã còng xuống, đôi tay vẫn miệt mài đan tất. Mỗi khi kể xong một câu chuyện, bà đặt tay lên đầu ta và nói:

– Và tất cả những điều ấy đều chân thật, như bà đang thấy cháu và cháu đang thấy bà.

Bà cũng thường hát, dẫu không phải ngày nào cũng vậy. Có bài ca kể về một hiệp sĩ và một nàng tiên cá, với điệp khúc: *“Gió lạnh, gió lạnh thổi trên biển cả.”* Ta còn nhớ lời cầu nguyện ngắn bà dạy ta và một đoạn thánh thi.

Trong muôn vàn câu chuyện bà kể, chỉ còn lại một ký ức mờ nhạt, rời rạc. Duy chỉ có một chuyện ta nhớ rõ đến mức có thể kể lại: một chuyện nhỏ về sự Giáng Sinh của Chúa Giêsu.

...

Đó là một ngày Giáng Sinh. Khi mọi người đã đến nhà thờ, chỉ còn lại bà và ta trong nhà. Một

người thì quá nhỏ, một người thì quá già, nên cả hai đều buồn vì chẳng được dự lễ rạng đông và ngắm ánh nến lung linh. Trong nỗi cô đơn ấy, bà bắt đầu kể:

– Có một người đàn ông ra đi trong đêm tối để tìm lửa. Ông gõ cửa từng nhà, van xin: “Xin thương xót! Vợ tôi vừa sinh con và tôi cần nhóm lửa để sưởi ấm cho mẹ con bà.” Nhưng đêm đã khuya, mọi người đều ngủ say. Không ai trả lời ông.

Người đàn ông cứ đi mãi, đi mãi.

Cuối cùng, ông thấy một ánh lửa le lói từ xa. Ông bèn đi về hướng ấy và thấy ngọn lửa bập bùng giữa khoảng đất trống. Chung quanh là đàn cừ trắng đang ngủ và một lão mục đồng ngồi canh giữ.

Khi ông đến gần đàn cừ, ba con chó lớn nằm dưới chân người chăn liền thức dậy. Chúng há miệng như muốn sủa, nhưng không một tiếng nào phát ra. Ông thấy lông trên lưng chúng dựng đứng, những chiếc răng sắc nhọn lấp lánh trong ánh lửa, rồi chúng lao về phía ông. Một con cắn vào chân, một con cắn vào tay, một con ngoạm vào cổ họng. Nhưng hàm răng chúng bỗng trở nên vô lực, chẳng làm ông tổn hại.

Giờ đây, ông muốn đi tiếp để lấy thứ mình cần. Nhưng những con cừ nằm chen chặt, lưng kề lưng, khiến ông không thể nào lách qua. Bấy giờ, người đàn ông bước lên lưng chúng mà đi và chẳng một con nào thức dậy hay động đậy.

Bà kể đến đó thì tôi không thể nhịn được nữa mà ngắt lời:

– Sao chúng lại không làm gì cả hả bà?

– Cháu sẽ biết ngay thôi – bà đáp, rồi lại tiếp tục câu chuyện.

Khi người đàn ông đã đến gần đồng lửa, người chăn cừu ngừng lên. Đó là một lão già cẩu kính, cứng cỏi và hà khắc. Thấy người lạ, ông chộp lấy cây gậy dài, nhọn hoắt vẫn thường dùng để chăn đàn, rồi ném về phía ông ta. Cây gậy bay vút thẳng, nhưng trước khi chạm tới thì bỗng chệch hướng, rơi xuống cánh đồng xa.

Bà kể đến đó, tôi lại ngắt lời:

– Bà ơi, tại sao cây gậy không đánh trúng người đàn ông a?

Bà không trả lời tôi, mà tiếp tục câu chuyện:

Người đàn ông đến trước mặt người chăn cừu và nói:

– Xin ông hãy giúp tôi và cho tôi xin chút lửa! Vợ tôi vừa sinh con, tôi phải nhóm lửa để sưởi ấm cho mẹ con bà.

Người chăn cừu rất muốn từ chối. Nhưng khi nghĩ đến việc lũ chó không thể làm hại ông ta, đàn cừu không trốn chạy, còn cây gậy cũng không chịu đánh trúng, ông thấy sợ hãi và không dám khước từ. Ông nói:

– Cứ lấy bao nhiêu tùy ý!

Nhưng ngọn lửa đã gần tàn. Không còn củi, chỉ còn một đồng than hồng lớn. Người lạ lại không có xẻng hay gàu để mang đi.

Thấy vậy, người chẵn cừu lại nói:

– Cứ lấy bao nhiêu tùy thích! – và ông ta thăm mừng, vì nghĩ người kia chẳng thể nào mang lửa đi được.

Thế nhưng, người đàn ông cúi xuống, nhặt than hồng từ đồng tro tàn bằng tay không, bỏ vào áo choàng. Mà kỳ lạ thay, than hồng chẳng làm bỏng tay ông, cũng chẳng đốt cháy áo choàng. Ông cứ thế mang chúng đi, như thể đó chỉ là những hạt dẻ hay trái táo.

Đến đây, bà kể chuyện lại bị tôi ngắt lời lần thứ ba:

– Bà ơi, tại sao than hồng không làm ông ấy bị bỏng ạ?

– Cháu sẽ được nghe ngay thôi – bà nói, rồi tiếp tục câu chuyện.

Khi người chẵn cừu – vốn là kẻ cộc cằn, xấu tính – thấy tất cả những điều ấy, ông ta bắt đầu tự hỏi: *“Đêm gì lạ lùng vậy? Chó không cắn, cừu không sợ, gậy không hại người, lửa không đốt cháy. Đây là đêm gì?”*

Ông gọi người lạ lại, hỏi:

– Đây là đêm gì vậy? Sao mọi thứ đều tỏ lòng nhân từ với người?

Người đàn ông đáp:

– Ta không thể nói cho người, trừ phi chính người chứng kiến.

Nói rồi, ông lại vội vã lên đường, khao khát sưởi ấm cho vợ con.

Người chăn cừu không muốn để mất dấu. Ông đứng dậy, lặng lẽ đi theo, cho tới khi đến nơi người đàn ông trú ngụ.

Khi ấy, ông thấy người lạ chẳng có lấy một túp lều, mà chỉ cùng vợ con trú trong một hang đá, nơi bốn bề là vách đá trần trụi, lạnh lẽo.

Người chăn cừu nghĩ rằng đứa trẻ tội nghiệp kia có thể sẽ chết còng trong hang đá. Và mặc dù vốn là một kẻ cứng cỏi, lòng ông bỗng động thương, muốn giúp đỡ.

Ông tháo túi da đeo trên vai, lấy ra một tấm da cừu mềm mại, trắng muốt, trao cho người đàn ông lạ và nói:

– Hãy để đứa trẻ nằm ngủ trên tấm da này.

Ngay khi ông tỏ lòng nhân từ, mắt ông bỗng mở ra. Ông nhìn thấy những gì trước đây chưa từng thấy, nghe được những gì trước đây chưa từng nghe.

Cả chuồng bò bỗng ngập tràn ánh sáng, sáng rực mà dịu dàng như sao trời rơi xuống.

Ông thấy quanh mình là vô vàn thiên thần nhỏ, đôi cánh bạc lấp lánh, bay lượn trên nôi của đứa trẻ.

Mỗi thiên thần cầm trong tay một cây đàn hạc, vừa bay vừa ca hát:

“Vinh danh Thiên Chúa trên các tầng trời, bình an dưới thế cho người thiện tâm.”

Lúc ấy, ông mới hiểu vì sao mọi vật đều hân hoan trong đêm nay, chẳng muốn làm điều gì xấu xa.

Và chẳng những quanh ông, mà khắp nơi đều có các thiên thần: trong hang đá, ngoài vách núi, bay lượn dưới bầu trời. Chúng kéo nhau đi thành từng đoàn dài trên các nẻo đường; khi đi ngang qua, chúng dừng lại, ngắm nhìn Hải Nhi.

Đêm ấy, tiếng reo hò, tiếng ca hát, tiếng cười vui, tiếng nô đùa vang khắp nơi. Tất cả những âm thanh đó, người chăn cừu đều nghe rõ trong màn đêm tối mịt, nơi trước kia ông chẳng nhận ra gì. Lòng tràn ngập vui mừng, ông quỳ sụp xuống, tạ ơn Thiên Chúa.

Bà nội kể đến đây thì thở dài:

– Những gì người chăn cừu thấy, chúng ta cũng có thể thấy, vì các thiên thần vẫn bay lượn dưới bầu trời mỗi đêm Giáng Sinh. Chỉ là chúng ta không có đôi mắt đủ trong sáng để nhận ra họ mà thôi.

Rồi bà đặt tay lên đầu tôi và nói:

– Cháu hãy nhớ điều này, vì nó đúng như việc bà đang nhìn thấy cháu và cháu đang nhìn thấy bà. Không phải ánh sáng đèn đuốc, cũng không phải ánh trăng hay mặt trời, điều quan trọng là ta phải có đôi mắt có thể nhìn thấy vinh quang Thiên Chúa.

Bestread.vn